

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/4/2025
V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Hà Thanh Minh;

Ông Hà Công Tâm.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

Ngày 21 tháng 04 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 414/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp VC, xã VH, huyện CL, tỉnh BT; nơi cư trú: ấp MC, xã CA, huyện MT, tỉnh VL. Có mặt.

Bị đơn: ông Dương Bá P, sinh năm: 1970; địa chỉ: 109/62 ấp VC, xã VH, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2024 và tại phiên tòa hôm nay (bà H) trình bày: thông qua mai mối nên vào năm 1995 gia đình hai bên tổ chức lễ cưới để ra mắt hai họ và bạn bè, nhưng không có đi đăng ký kết hôn mãi đến năm 2012 ông bà mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2024 thì bất đồng quan điểm nguyên nhân do không có sự đồng cảm, thiếu sự thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Nên bà H quyết định sống ly thân với ông P từ tháng 05/2024 đến nay, bà H về cha mẹ ruột tại ấp MC, xã CA, huyện MT, tỉnh VL sống, để hai bên kiểm điểm lại cuộc sống hôn nhân của mình, nhưng cuộc sống ngày càng trái ngược nhau không thể dung hòa và hàng gần được.

Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài sẽ gây tổn thương và đau khổ cho nhau về nhiều mặt nên ly hôn để giải thoát cho nhau là cách tốt nhất.

Vì vậy, về hôn nhân bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với chồng bà là ông Dương Bá P và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung: có 02 người con chung tên Dương Ngọc T, sinh ngày 09/9/1999 và Dương Phúc H1, sinh ngày 24/9/1998 tất cả đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 23/12/2024 ông P trình bày: không đồng ý ly hôn và xin hàng gấn vì còn thương vợ.

Về con chung: ông P đồng ý với ý kiến và yêu cầu của bà H.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ:

[1] . Về tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Hội đồng xét xử xét thấy, do mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà H có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông P nên đây là vụ kiện: “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông P hiện đang cư trú tại ấp VC, xã VH, huyện CL, tỉnh BT nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Dương Bá P được Tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông theo qui định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét thấy, hôn nhân của bà H và ông P là trên cơ sở tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có sự ép buộc. Ông bà cũng đã đi đăng ký kết hôn theo đúng qui định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H cho rằng quan hệ hôn nhân của bà với ông P đã có sự phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được là có căn cứ. Bởi lẽ, ngày 23/12/2024 Tòa án đã mời ông bà đến để tạo điều kiện hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân của ông bà. Ông P không đồng ý ly hôn nhưng ông không đưa ra được hướng khắc phục mâu thuẫn để bà H về chung sống mà ngược lại bà H vẫn cương quyết ly hôn không chấp nhận hàn gắn. Hơn nữa, nhiều lần Tòa cũng tạo điều kiện hòa giải để ông bà ngồi lại với nhau nhằm trao đổi khắc phục hạn chế mà hàng gấn gia đình nhưng ông P không có thiện chí mà ông vẫn cố tình vắng mặt kể cả phiên

tòa hôm nay. Tại phiên tòa, bà H cũng đã xác định từ khi bà về cha mẹ sống đến nay thì mạnh ai nấy sống, ông P không có thiện chí hòa giải hàn gắn, khi bà H trao đổi thì ông P nói bà H làm gì làm ông không biết đến. Chứng tỏ, hôn nhân của ông bà đã có sự rạn nứt và không thể hàn gắn được. Từ các căn cứ trên, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở để chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: trong quá trình sống chung ông P, bà H có tạo ra 02 người con chung tên Dương Ngọc T, sinh ngày 09/9/1999 và Dương Phúc H1, sinh ngày 24/9/1998, tất cả đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Tài sản và nợ chung: ông P và bà H đều xác định không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-BTVQH14 và điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Dương Bá P.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Dương Bá P không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: trong quá trình sống chung ông P, bà H có tạo ra 02 người con chung tên Dương Ngọc T, sinh ngày 09/9/1999 và Dương Phúc H1, sinh ngày 24/9/1998, tất cả đã trưởng thành nên bà H, ông P không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Nợ chung: không có.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền bà H nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0005800, ngày 05 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT được chuyển sang án phí.

- Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Dương Bá P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

- Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo qui định của pháp luật.

- Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện CL;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh BT;
- UBND xã VH;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

LÊ THỊ THÚY HẰNG